

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019
Về việc L hôn, con chung khi L hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đắc Hân,

2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát V.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc “L hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vũ Duy K; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Lại Thị V; Nơi cư trú: Thôn 3, xã T, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Vũ Duy K trình bày: Anh kết hôn với chị Lại Thị V chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện từ năm 2010 nhưng đến năm 2016 anh và chị Lại Thị V mới đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 3, xã T, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, nuôi dạy con chung, chị V không quan tâm chăm sóc gia đình con cái nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn khả năng đoàn tụ được nữa, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống L thân không còn quan tâm nhau. Nay anh Vũ Duy K khẳng định tình

cảm vợ chồng giữa anh và chị Lại Thị V không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được L hôn với chị Lại Thị V.

Về con chung: Anh Vũ Duy Ktrình bày vợ chồng anh có 02 con chung tên: Vũ Thị Hiền N, sinh ngày 09/11/2010 và Vũ Thị K L, sinh ngày 26/8/2012, kể từ khi vợ chồng sống L thân đến nay con chung do anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi L hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con chung đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đề anh và chị Lại Thị V tự thỏa thuận giao nhận cho nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Vũ Duy Ktrình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lại Thị V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Lại Thị V vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin L hôn của anh Vũ Duy K.

Tại phiên tòa Kiểm sát V phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Vũ Duy K vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Lại Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Kiểm sát V đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Vũ Duy K tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự; Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Duy K được L hôn chị Lại Thị V; Về con chung: Giao 02 con chung tên Vũ Thị Hiền N, sinh ngày 09/11/2010 và Vũ Thị K L, sinh ngày 26/8/2012, cho anh Vũ Duy K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật và tài sản chung đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của các con; Bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên anh Vũ Duy K; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Vũ Duy K vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Lại Thị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Duy K và chị Lại Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, nuôi dạy con chung nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn khả năng đoàn tụ được nữa anh đề nghị Tòa án giải quyết xin được L hôn chị Lại Thị V. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị Lại Thị V đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin L hôn của anh Vũ Duy K. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện chị Lại Thị V vẫn sinh sống và làm việc bình thường tại địa phương cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị V đã kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Duy K, cho anh Vũ Duy K được L hôn chị Lại Thị V.

[3] Về con chung: Anh Vũ Duy K trình bày vợ chồng anh có 02 con chung tên: Vũ Thị Hiền N, sinh ngày 09/11/2010 và Vũ Thị K L, sinh ngày 26/8/2012, khi L hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai con chung đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lại Thị V vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung, tuy nên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Tài liệu xác minh thể hiện từ khi vợ chồng sống L thân đến nay hai con chung do anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, mặt khác cả hai con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ để ổn định học tập. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con tên Vũ Thị Hiền N, sinh ngày 09/11/2010 và Vũ Thị K L, sinh ngày 26/8/2012, cho anh Vũ Duy K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Duy K trình bày về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để anh và chị Lại Thị V tự thỏa thuận giải quyết, chị Lại Thị V vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh Vũ Duy K trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn chị Lại Thị V vắng mặt không có quan điểm trình bày về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Vũ Duy K phải nộp 300.000 đồng án phí L hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vũ Duy K được L hôn chị Lại Thị V.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Vũ Thị Hiền N, sinh ngày 09/11/2010 và Vũ Thị K L, sinh ngày 26/8/2012, cho anh Vũ Duy K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi L hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Vũ Duy K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí L hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000597, ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Anh Vũ Duy K đã nộp đủ án phí L hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã T, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kỳ Sơn, huyện T, TP I;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ
NGUYỄN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thuỷ Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm
2016*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYỄN THÀNH PHỐ H**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Mạnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2016, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 266/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc “L hôn” giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tính, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện T, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Thôn Niêm Ngoại, xã Kỳ Sơn, huyện T, thành phố H.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tùng, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện T, thành phố H.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009,

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án: Xử :

- Chị Đỗ Thị Tính được L hôn anh Đỗ Văn Tùng

- Về con chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có tài chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Tính phải nộp 200.000 đồng án phí L hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 26 tháng 5 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Chị Đỗ Thị Tính đã nộp đủ án phí L hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA**

Hoàng Đắc Hân - Đỗ Văn Mạnh

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA**

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Trần Hữu Văn – Đào Hữu Dự

Khúc Trọng Quang

Nơi nhận:

- TAND Tp H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã (TT) nơi thực hiện iệc ĐKKH;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

